TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8-VL**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2025/HNGĐ-ST
Ngày 15/9/2025
V/v "Tranh chấp ly hôn giữa chị D với anh N"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8-VL

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Phi.

Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Tường Bích.
Bà Phạm Thị Thu Trang.

- ***Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa:*** Ông Đặng Hoàng Long - T ký Tòa án nhân dân khu vực 8-VL

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8-VL tham gia phiên tòa*:** Bà Lê Thị Kim Tiến - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 9 năm 2025, tại Hội trường xét xử của Tòa án nhân dân khu vực 8-VL xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông Tòng vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 49/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2025 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

*** N đơn: Nguyễn Thị D,** sinh năm 1986.
Địa chỉ: Ấp Long Hội, xã PT, tỉnh VL.
Chị D có yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 20/8/2025

*** Bị đơn: Nguyễn Minh N,** sinh năm 1979.
Địa chỉ: Ấp Vinh Thái, xã LT, tỉnh VL.
Anh N có yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 20/8/2025.

NỘI D VỤ ÁN:

* Tại đơn xin ly hôn đề ngày 08/01/2025, những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, N đơn chị Nguyễn Thị D trình bày như sau:

Chị D với anh Nguyễn Minh N tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2009, hai bên có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vang Quới Tây, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre (Nay là xã LT, tỉnh VL). Trong quá trình chung sống, thời gian đầu, vợ chồng sống có hạnh phúc. Đến tháng 01 năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, N nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hòa hợp, không có tiếng nói chung trong gia đình nên vợ, chồng Tòng xuyên cự cãi nhau. Hiện tại, ai cũng có cuộc sống riêng, không quan tâm đến nhau, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2024 cho đến nay.

Hiện tại, chị D không còn tình cảm vợ chồng với anh N nữa nên yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Minh N.

Về con chung: Có 01 con chung tên là Nguyễn Thị Minh T, sinh ngày 15/8/2009 đang sống chung với anh Nguyễn Minh N. Chị D đồng ý để anh N trực tiếp nuôi dưỡng cháu T, chị D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 10 tháng 8 năm 2025, anh Nguyễn Minh N trình bày:

Anh Nguyễn Minh N thống nhất hoàn toàn với lời trình bày của chị Nguyễn Thị D về quá trình chung sống, đăng ký kết hôn, N nhân phát sinh mâu thuẫn, con chung, tài sản chung và nợ chung. Hiện tại, vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, do đó, chị D yêu cầu ly hôn, anh N đồng ý.

Về nuôi con chung: Anh N yêu cầu được nuôi con chung tên là Nguyễn Thị Minh T, sinh ngày 15/8/2009 và không yêu cầu chị D cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án:***

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự:

Thẩm phán thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử. Hội đồng xét xử và T ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự trong quá trình xét xử sơ thẩm vụ án. N đơn Nguyễn Thị D, bị đơn Nguyễn Minh N thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại điều 70, 71, 72, Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 147, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị D đối với anh Nguyễn Minh N.

Về nuôi con chung: Anh Nguyễn Minh N được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên là Nguyễn Thị Minh T, sinh ngày 15/8/2009.

Ghi nhận việc anh Nguyễn Minh N tự nguyện không yêu cầu chị Nguyễn Thị D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: N đơn Nguyễn Thị D và bị đơn Nguyễn Minh N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, do đó xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét yêu cầu của hai bên đương sự và đề nghị của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về nội D vụ án: Chị Nguyễn Thị D với anh Nguyễn Minh N cưới nhau vào năm 2009, trên tinh thần tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vang Quới Tây, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre (Nay là xã LT, tỉnh VL) nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Thời gian đầu, chung sống có hạnh phúc, đến tháng 01 năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hòa hợp, không có tiếng nói chung trong gia đình nên vợ chồng Tờng xuyên cự cãi và anh N Tờng hay bạo lực gia đình làm cho cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Hiện tại, ai cũng có cuộc sống riêng, không quan tâm đến nhau. Tòa án đã triệu tập các đương sự đến hòa giải, tạo điều kiện cho hai bên hàn gắn tình cảm vợ, chồng nhưng hai bên đương sự đều có yêu cầu xét xử vắng mặt. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị D với anh N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó yêu cầu ly hôn của chị D là có cơ sở, phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

Về con chung: Có 01 con chung tên Phạm Thị Minh T, sinh ngày 15/8/2009 đang sống với anh Nguyễn Minh N. Chị D đồng ý giao con chung cho anh Nguyễn Minh N trực tiếp nuôi dưỡng, do đó cần giao cháu Nguyễn Thị Minh T cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo cuộc sống bình Tờng của con chung (Phù hợp với nguyện vọng của con chung trên 07 tuổi)

Ghi nhận việc anh Nguyễn Minh N tự nguyện không yêu cầu bà Nguyễn Thị D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên khai thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[5] Đối với phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Tòng vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 107, 116, 119 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Tòng vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị D đối với anh Nguyễn Minh N.

Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị D đối với anh Nguyễn Minh N**2.** Về nuôi con chung: Anh Nguyễn Minh N được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên là Nguyễn Thị Minh T, sinh ngày 15/8/2009 (Phù hợp với nguyện vọng của con chung trên 07 tuổi).

Ghi nhận việc anh Nguyễn Minh N tự nguyện không yêu cầu chị Nguyễn Thị D cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Thị D không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Anh Nguyễn Minh N trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị D trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 và Điều 119 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và quyết định việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên khai thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị D đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008202 ngày 18 tháng 02 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8-VL).

Vậy, chị Nguyễn Thị D đã nộp xong án phí.

Các đương sự Nguyễn Thị D, Nguyễn Minh N vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh VL (Phòng GĐKT,TT&THA);
- VKSND khu vực 8-VL;
- Thi hành án dân sự tỉnh VL;
- UBND xã LT, tỉnh VL;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Nguyễn Đăng Phi